

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 82/2020/DSST-ST

Ngày: 31/8/2020

*V/v: Tranh chấp liên quan
đến yêu cầu tuyên bố văn
bản công chứng vô hiệu.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Trung Lập**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Quốc Sơn**
Trần Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Mai Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: **Bà Lê Thị Thùy Dương**
- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 47/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Tập đoàn Đ

Trụ sở: Số 04 L.H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

-*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* **Ông Mai Hữu Đ;** chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

-*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* **Bà Đỗ Thị Thùy D;** chức vụ: Cán bộ pháp chế.

Địa chỉ: Tầng 03, Tòa nhà VNT số 19 N.T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

(Văn bản ủy quyền số 033 ngày 21/6/2019)

(*Có mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn: Văn phòng công chứng M

Địa chỉ: Số 69 L. Đ. T, phường M 2, quận N, thành phố Hà Nội.

-Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: **Ông Phạm Minh H**; chức vụ: Trưởng Văn phòng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn T, sinh năm 1972.

HKTT: Tổ 10, Cụm N, phường Q, quận T, Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam N-C10- Bộ Công an.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978,

Nơi cư trú: số 52 ngõ 116 N. H, phường N, quận T, Hà Nội

-Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh H: **Bà Bùi Bích P**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: P1101, Tòa CT1C Chung cư T, phường Đ, quận H, Hà nội. (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2020), (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty cổ phần Tập đoàn Đ là Công ty đại chúng, đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Một trong số các cổ đông của Công ty là Doanh nghiệp tư nhân H (viết tắt là DNTN) – Mã số doanh nghiệp 010103056, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2009. Tại thời điểm DNTN H trở thành cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Đ thì ông Hà Văn T là chủ DNTN H.

Ngày 23/08/2017, ông Hà Văn T làm văn bản ủy quyền công chứng số 2793/2017, Quyền số: 04TP/CC-SCC/HNGĐ được lập tại Văn phòng công chứng M, do công chứng viên Phạm Minh H thực hiện (gọi tắt là HĐUQ 2793). Theo đó, ông Hà Văn T ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh H được thay mặt ông Hà Văn T quản lý, điều hành hoạt động của DNTN H, được quyền thực hiện toàn bộ nghĩa vụ và quyền hạn của chủ doanh nghiệp...

Ngày 14/8/2018, trên cơ sở Hợp đồng ủy quyền số 2793, bà Nguyễn Thanh H đã ủy quyền lại cho bà Lâm Khánh H “thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của Chủ Doanh nghiệp tư nhân H tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần 3 năm 2018 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đ và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên liên quan đến toàn bộ cổ phần được sở hữu của Doanh nghiệp tư nhân H”. Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2963/2018, quyền số 08 TP/CC-SCC/HNGĐ do Công chứng viên của Văn phòng công chứng M, TP. Hà Nội lập và làm chứng (gọi tắt là HĐUQ 2963).

Dựa vào các hợp đồng ủy quyền nêu trên, bà Nguyễn Thanh H và bà Lâm Khánh H đã thực hiện một số hành vi gây cản trở đến hoạt động của Công ty cổ

phần Tập đoàn Đ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các cổ đông và uy tín của Công ty.

Nguyên đơn cho rằng Hợp đồng ủy quyền mà ông Hà Văn T ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh H có các dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật nên không có hiệu lực. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án Nhân dân quận Nam Từ Liêm tuyên bố Hợp đồng ủy quyền ngày 23/08/2017, số công chứng 2793/2017, quyển số 04 TP/CC-SCC-HĐGD do Công chứng viên Phạm Minh H – Văn phòng công chứng M, thành phố Hà Nội là vô hiệu, vì các lý do sau:

- Văn bản cử người đại diện ủy quyền của DNTN H ký không đúng thẩm quyền: Theo Hợp đồng ủy quyền thì ông Hà Văn T đã ký ủy quyền với tư cách cá nhân, không ủy quyền với tư cách chủ DNTN H. Với tư cách cá nhân thì không thể ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp được. Tại thời điểm ký HĐUQ 2793, ông Hà Văn T không có quyền quản lý DNTN H do từ ngày 21/10/2014 ông Hà Văn T bị truy cứu trách nhiệm hình sự bằng Quyết định khởi tố của Cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, theo quy định tại Điều 4, Điều 18 Luật Doanh nghiệp thì ông Hà Văn T đã mất toàn bộ quyền quản lý DNTN và không thể ủy quyền cho người khác thực hiện quyền đã bị mất.

- Hợp đồng ủy quyền số 2793 được ký khi không có cơ sở xác thực chứng thực cá nhân người ủy quyền. Bởi vì: Theo quy định của pháp luật thì trong thời gian tạm giam và chấp hành án phạt tù, ông Hà Văn T bị thu giữ Chứng minh nhân dân và chỉ được trả lại khi chấp hành xong hình phạt tù. Tuy nhiên, khi lập HĐUQ 2793, công chứng viên lại ghi nhận việc chứng nhận tính xác thực về nhân thân ông Hà Văn T trong Trại giam T – Công an thành phố Hà Nội bằng chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Hà Văn T. Mặt khác, tại thời điểm này ông Hà Văn T bị giam giữ nhưng trong HĐUQ 2793 không có chữ ký của giám thị Trại giam hay bất kể nội dung nào xác nhận người đang bị giam giữ đúng với người có tên và thông tin cá nhân như ghi trong chứng minh nhân dân thể hiện tại hợp đồng là một người. Ngoài ra, tại hợp đồng công chứng không có dấu vân tay của ông Hà Văn T như thể hiện tại nội dung chứng nhận của công chứng viên Phạm Minh H.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 4 Luật Công chứng thì công chứng viên Phạm Minh H đã chứng nhận một giao dịch không hợp pháp, vi phạm nguyên tắc tuân thủ hiến pháp và pháp luật, vi phạm nguyên tắc khách quan quy định tại Luật công chứng.

Như vậy, Hợp đồng ủy quyền số 2793 công chứng có nội dung không tuân thủ quy định của pháp luật, quá trình chứng thực không tuân thủ nguyên tắc khách quan nên văn bản công chứng này không có giá trị thực hiện. Đề nghị Tòa án

tuyên vô hiệu văn bản công chứng nêu trên. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn, Văn phòng công chứng M do ông Phạm Minh H- Trưởng văn phòng, là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Về trình tự thủ tục công chứng đối với văn bản là Hợp đồng ủy quyền của ông Hà Văn T, phía Văn phòng công chứng M đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật công chứng và đúng với yêu cầu của ông Hà Văn T. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Do bận công việc nên bị đơn xin được vắng mặt tại các buổi đối chất, hòa giải, các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người liên quan, ông Hà Văn T trình bày:

Ông khẳng định đã ký Hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh H, việc ký hợp đồng là đúng pháp luật và tự nguyện. Doanh nghiệp tư nhân H là của ông, ông ký hợp đồng ủy quyền với tư cách chủ DNTN H. Khi ký hợp đồng ủy quyền thì ông đang bị tạm giam tại Trại giam T – Bộ Công An, vì vậy Văn phòng công chứng M đã làm việc với Trại giam T để trích xuất ông ra ký hợp đồng ủy quyền. Vì đang tạm giam nên ông không có giấy tờ tùy thân và không giữ con dấu của DNTN H. Ông không đồng ý hủy Hợp đồng ủy quyền vì việc ủy quyền là hợp pháp, quyền tài sản của ông tại DNTN H vẫn được pháp luật bảo vệ.

Do đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, cục C10 Bộ Công an nên ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người liên quan, bà Nguyễn Thanh H do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do sau: Tại thời điểm lập Hợp đồng ủy quyền, cả ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thanh H đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng. Ngoài ra, văn bản ủy quyền được công chứng là đã đáp ứng yêu cầu về hình thức văn bản.

Về nội dung của hợp đồng: Tại thời điểm ủy quyền thì ông Hà Văn T đang bị tạm giam nên không thể trực tiếp điều hành, quản lý doanh nghiệp được. Căn cứ khoản 5 Điều 13 Luật Doanh nghiệp thì việc ông T ủy quyền cho bà H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp là hoàn toàn hợp lý và hợp pháp

Tại phiên tòa: Các đương sự có mặt vẫn giữ nguyên lời khai như trên.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử và nguyên đơn là chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn vắng mặt là chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc ủy quyền của ông Hà Văn T cho bà Nguyễn Thanh H là phù hợp với ý chí và thỏa thuận của các đương sự; Hợp đồng ủy quyền không thuộc trường hợp bắt buộc phải công chứng và không vi phạm Luật Công chứng (do ông Hà Văn T đang bị tạm giam nên không thể có giấy tờ tùy thân); Về địa điểm công chứng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Công chứng. Vì vậy, căn cứ các Điều 117, 119, 129, 135, 138, 562 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 điều 44 Luật Công chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Văn phòng công chứng M do ông Phạm Minh H là người đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn T vắng mặt, tuy nhiên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan.

Nguyên đơn là Công ty cổ phần Tập đoàn Đ khởi kiện yêu cầu tòa án tuyên vô hiệu Văn bản công chứng là Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2793/2017, Quyền số: 04TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng công chứng M do công chứng viên Văn phòng công chứng M, ông Phạm Minh H chứng thực.

Về quyền khởi kiện: Theo quy định tại Điều 52 Luật Công chứng thì “Công chứng viên, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Toà án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu khi có căn cứ cho rằng việc công chứng có vi phạm pháp luật.” Hội đồng xét xử thấy: Công ty cổ phần Tập đoàn Đ là Công ty Đại chúng, đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Một trong số các cổ đông của Công ty là Doanh nghiệp tư nhân H – Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân số 010103056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2009. Tại thời điểm DNTN H trở thành cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Đ thì ông Hà Văn T là chủ DNTN này. Việc ông Hà Văn T ký Hợp đồng ủy quyền cho người khác thực hiện toàn bộ nghĩa vụ và quyền hạn của chủ DNTN H là có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Tập đoàn Đ. Như vậy, căn cứ Điều 52 Luật công chứng thì Công ty cổ phần Tập đoàn Đ có quyền khởi kiện đối với Văn bản công chứng là Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2793/2017, Quyền số: 04TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng viên Văn phòng công chứng M chứng thực.

Đây là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm theo

quy định tại khoản 11 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 132 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Hồ sơ công chứng do Văn phòng công chứng M xuất trình thể hiện: Ngày 23/8/2017, ông Hà Văn T lập Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản gửi Văn phòng công chứng M, thành phố Hà nội. Văn bản công chứng là Hợp đồng ủy quyền ngày 23/8/2017; số công chứng 2793/2017, Quyền số: 04TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng công chứng M do công chứng viên Văn phòng công chứng M, ông Phạm Minh H chứng thực với nội dung: Bên A là ông Hà Văn T ủy quyền cho bên B- bà Nguyễn Thanh H thực hiện một số công việc trong đó có công việc cụ thể là:

“ – Được thay mặt bên A quản lý, điều hành hoạt động của Doanh nghiệp tư nhân với ngành nghề được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh... nhân H theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của Doanh nghiệp...”

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng Văn bản công chứng nêu trên là vô hiệu, Hội đồng xét xử thấy:

-Về thủ tục công chứng: Theo quy định về thủ tục công chứng quy định tại Điều 41 Luật Công chứng thì “người yêu cầu công chứng nộp một bộ hồ sơ theo quy định...”; Tại điểm c khoản 1 Điều 40 Luật Công chứng quy định về tài liệu nộp kèm là: “Bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bị đơn là Văn phòng công chứng M cung cấp Hồ sơ công chứng của ông Hà Văn T. Tài liệu do bị đơn cung cấp có: bản sao Phiếu yêu cầu công chứng Hợp đồng văn bản và Hợp đồng ủy quyền đã được công chứng. Theo danh sách các giấy tờ nộp kèm thể hiện tại Phiếu yêu cầu công chứng có mục “chứng minh nhân dân/hộ chiếu của các bên tham gia ký kết giao dịch dân sự”. Tuy nhiên, hồ sơ do bị đơn xuất trình không có tài liệu đi kèm nào là giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận: Thời gian xác lập Văn bản ủy quyền thì ông Hà Văn T đang bị tạm giam để phục vụ cho hoạt động điều tra vụ án hình sự tại Trại giam T – Bộ Công An. Hợp đồng ủy quyền công chứng cũng thể hiện: “ông Hà Văn T đã ký Hợp đồng này tại Trại tạm giam T – Bộ Công An...”. Theo lời khai của ông Hà Văn T thì “vì đang tạm giam nên ông không có giấy tờ tùy thân và không giữ con dấu của DNTN H”

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở xác định, người yêu cầu công chứng là ông Hà Văn T không có giấy tờ tùy thân khi ký Hợp đồng ủy quyền, Hồ sơ công chứng do Văn phòng công chứng M lập cũng không có bản sao Giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng- là tài liệu để Công chứng viên đối chiếu với bản chính

trước khi ghi lời chứng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 41 Luật Công chứng. Ngoài các nội dung trong hợp đồng ủy quyền ra thì cũng không có tài liệu nào xác định nhân thân ông Hà Văn T. Tuy nhiên, Lời chứng của Công chứng viên tại Hợp đồng ủy quyền thể hiện: “Bên ủy quyền: ông Hà Văn T, sinh năm 1972, CMND số 012345310 do Công an thành phố Hà nội cấp ngày 06/5/2007. Đăng ký Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 10 cụm N, Q, T, thành phố Hà nội...” là không khách quan và vi phạm về thủ tục công chứng.

-Về nội dung văn bản công chứng: Xét Doanh nghiệp tư nhân là loại hình doanh nghiệp đối nhân vì vậy Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân. Ông Hà Văn T là chủ Doanh nghiệp tư nhân H – là Doanh nghiệp đối nhân với vốn đầu tư 100% của cá nhân ông T. Vào thời điểm ông Hà Văn T ký Hợp đồng ủy quyền số 2793 ngày 23/8/2017, ông T đang bị tạm giam tại Trại giam để phục vụ cho hoạt động điều tra vụ án hình sự, Doanh nghiệp tư nhân H đã tạm ngừng hoạt động. Bản thân ông T đã bị hạn chế một số quyền công dân nên không thể cung cấp các tài liệu, giấy tờ như theo quy định tại Điều 40 và Điều 41 Luật công chứng là điều kiện cần thiết để hoàn thiện hồ sơ yêu cầu công chứng, là điều kiện để hợp đồng công chứng có hiệu lực. Tuy nhiên, Văn phòng công chứng M vẫn tiến hành công chứng khi hồ sơ công chứng không đầy đủ do đó Hợp đồng ủy quyền không có hiệu lực về hình thức, là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 117 và Điều 122 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tập đoàn Đ về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền công chứng số 2793/2017, Quyền số: 04TP/CC-SCC/HNGĐ được lập tại Văn phòng công chứng M là vô hiệu.

Về quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Khi làm thủ tục công chứng, người yêu cầu công chứng không xuất trình các tài liệu để xác định nhân thân. Hồ sơ công chứng do Văn phòng công chứng M cung cấp cũng như Văn bản công chứng Hợp đồng ủy quyền không có tài liệu nào thể hiện có xác nhận của Trại giam T – Bộ Công An đối với người bị tạm giam là ông Hà Văn T. Vì vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng ông Hà Văn T đang bị tạm giam nên không thể có giấy tờ tùy thân và địa điểm công chứng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Công chứng để từ đó xác định Văn bản công chứng có hiệu lực là không có cơ sở.

Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: “ Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả nhau những gì đã nhận;...bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các

đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng :

- Khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 40; Điều 41 và Điều 52 Luật Công chứng;

- Điều 117; 122; khoản 1 Điều 132 Bộ luật Dân sự;

-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tập đoàn Đ.

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thanh H, số công chứng 2793/2017, Quyền số: 04TP/CC-SCC/HNGĐ được lập tại Văn phòng công chứng M, thành phố Hà Nội ngày 23/8/2017 là vô hiệu.

2. Về án phí: Văn phòng công chứng M, thành phố Hà Nội phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần Tập đoàn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008429 ngày 10/4/2019 tại Chi cục thi hành án quận N.

Trường hợp bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm, VKS Hà Nội;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Trung Lập